

Bản án số: 64/2025/DS-ST

Ngày: 23/7/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Ông Lê Đình Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2025/DSST ngày 10/4/2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2025/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S; Địa chỉ: Đường A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Nhật Kinh K, sinh năm 1987; Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ mới: Lầu 8 số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 3228/2024/UQ – TGD ngày 14/5/2024) – Có đơn xin vắng mặt

Bị đơn: Bà Trịnh Thị Tuyết S (tên gọi khác: Lê Thiện Tâm N), sinh ngày 03/6/1983; Địa chỉ: – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2024 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 22/4/2025 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng Scó ông Nguyễn Nhật Kinh K đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/03/2019 bà Trịnh Thị Tuyết S có ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số 4862655646 với Ngân hàng Svà đã được Ngân hàng cấp thẻ với hạn mức là 30.000.000 đồng, lãi suất trong hạn: 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Sđã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 182.999.900 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Sđã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 155.226.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Svẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Svi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/02/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Svà chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 23/7/2025 bà Scòn nợ ngân hàng tổng số tiền 127.328.485 (Bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi lăm) đồng, trong đó: vốn gốc: 35.652.141 đồng, lãi quá hạn: 91.676.344 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Sphải thanh toán tiền gốc và lãi, yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Buộc bà Scó trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 24/7/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn bà Trịnh Thị Tuyết S (tên gọi khác: Lê Thiện Tâm N) vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo kết quả xác minh của Công an phường 9 quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh (nay là công an phường Tân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh) thì bà Trịnh Thị Tuyết Sương, sinh ngày 03/6/1983 đã cải chính hộ tịch thành tên Lê Thiện Tâm Như, sinh ngày 03/6/1983, có hộ khẩu thường trú tại đường X, phường Y, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bỏ địa phương từ năm 2016 đến nay, không rõ nơi cư trú. Như vậy, bà Trịnh Thị Tuyết S (tên gọi khác : Lê Thiện Tâm Như) có nơi cư trú tại phường 9 quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Tân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh) nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt khi xét xử. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Ngày 16/6/2025, Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự đến để tham gia xét xử nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 23/7/2025, Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự đến để tham gia xét xử nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vẫn không đến tham gia phiên tòa mà không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh: Trong vụ án này Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01-8-2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về nội dung:

Xét giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân số thẻ: 4862655646 ký ngày 12/03/2019 và bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ của ngân hàng Sacombank giữa ngân hàng và bà Slà hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản có chữ ký của các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện.

Căn cứ hợp đồng giao kết giữa các bên, sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có cơ sở xác định bà Sđược ngân hàng cấp thẻ số: 4862655646 ký ngày 12/03/2019 với thời hạn vay và lãi suất như đại diện nguyên đơn trình bày. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Skhông thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo các thông báo giao dịch hàng tháng, thuộc trường hợp Ngân hàng được quyền chấm dứt sử dụng thẻ và chuyển nợ quá hạn. Nhận thấy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 23/7/2025 bà S còn nợ ngân hàng tổng số tiền 127.328.485 (Bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi lăm) đồng, trong đó: vốn gốc: 35.652.141 đồng, lãi quá hạn: 91.676.344 đồng.

Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 127.328.485 đồng và tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 24/7/2025 cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 12/03/2019 và bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 4 Điều 207; Khoản 1, Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

1.1. Buộc bà Trịnh Thị Tuyết S (tên gọi khác: Lê Thiện Tâm N) có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Số tiền nợ: 127.328.485 (Bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi lăm) đồng, trong đó: vốn gốc: 35.652.141 đồng, lãi quá hạn: 91.676.344 đồng.

Buộc bà Trịnh Thị Tuyết S (tên gọi khác: Lê Thiện Tâm N) còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/7/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân số thẻ: 4862655646 ký ngày 12/03/2019 và bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trịnh Thị Tuyết S (tên gọi khác: Lê Thiện Tâm N) phải chịu 6.366.424 (Sáu triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi bốn) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu số tiền tạm ứng án phí 7.896.254 (Bảy triệu tám trăm chín mươi sáu hai trăm năm mươi bốn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003629 ngày 28/03/2025 của Chi cục

Thi hành án dân sự quận Tân Bình (nay là Thi hành án dân sự, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND KV4 - TP. HCM;
- Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Thu Hiền